

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /1/2026 của UBND xã Kỳ Anh)

TT	Tên công trình	Cấp Quyết định đầu tư	Mã dự án	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Công nợ đến ngày 02/12/2025	Dự toán năm 2026					Ghi chú
									Tổng dự toán	Ngân sách cấp trên	Ngân sách xã	Chia theo nguồn vốn		
												Trừ tiết kiệm chi 5%	Dự toán chi năm 2026 sau khi trừ tiết kiệm chi	
	TỔNG (I+II+III)				127.778.840	58.506.951	53.014.097	8.116.273	46.980.273	16.309.773	30.670.500	1.188.847	29.481.653	
I	DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH QUYẾT TOÁN				64.149.067	57.933.951	50.630.147	8.116.273	6.493.552	0	6.493.552	0	6.493.552	
1	Nhà học bộ môn 3 tầng 9 phòng trường THCS Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh	UBND huyện cũ	7931466	15/9/2022	6.497.588	6.060.870	5.861.000	199.870	189.516		189.516		189.516	Xã Kỳ Phú cũ
2	Đường trục thôn Phú Sơn(đoạn ngã 3 đi Bãi Pheo)	UBND xã	7702834	07/9/2018	1.316.768	849.609	702.067	147.542	147.542		147.542		147.542	Xã Kỳ Phú cũ
3	Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Phú (TX1) đoạn từ cổng chào thôn Phú Long đi Phú Sơn)	UBND xã	7691782	16/9/2018	5.986.526	4.976.077	4.731.957	244.120	244.120		244.120		244.120	Xã Kỳ Phú cũ
4	Trường Mầm non Kỳ Đồng; hạng mục: Nhà học 2 tầng 8 phòng	UBND xã	7805252	09/2019-07/2021	8.145.000	8.132.000	7.917.000	215.000	215.000		215.000		215.000	Thị trấn Kỳ Đồng cũ
5	Cải tạo via hè, mương thoát nước tuyến đường Đồng Phú	UBND xã	7984448	10/2019	6.706.000	5.899.000	5.570.000	329.000	329.000		329.000		329.000	Thị trấn Kỳ Đồng cũ
6	Trường tiểu học Kỳ Đồng; hạng mục: hạng mục: Nhà học 3 tầng 12 phòng	UBND xã	7984450	5/2020	7.500.000	7.309.000	6.777.000	532.000	300.000		300.000		300.000	Thị trấn Kỳ Đồng cũ
7	Hạ tầng khu dân cư thôn Đồng Phú năm 2022 (Giai đoạn 2)	UBND xã	7984449	9/2022-12/2022	548.000	548.000	311.000	237.000	237.000		237.000		237.000	Thị trấn Kỳ Đồng cũ
8	Cải tạo sân, đường, hệ thống thoát nước Trường Nguyễn Trọng Bình	UBND xã	8101210	4/2024-7/2024	168.000	168.000	0	168.000	168.000		168.000		168.000	Thị trấn Kỳ Đồng cũ
9	Nâng cấp tu sửa 2 dãy nhà học Trường tiểu học Kỳ Đồng	UBND xã	8122638	11/2024-12/2024	664.000	616.000	450.000	166.000	166.000		166.000		166.000	Thị trấn Kỳ Đồng cũ
10	Kênh N0-13 thôn Hồ Văn Giang, xã Kỳ Đồng năm 2024	UBND xã	8122648	11/2024-2/2025	901.000	858.000	353.000	505.000	300.000		300.000		300.000	Thị trấn Kỳ Đồng cũ
11	Phục hồi mặt đường BTXM các tuyến đường trục thôn và ngõ xóm xã Kỳ Đồng năm 2024	UBND xã	8112817	12/2024-2/2025	3.054.000	2.616.000	2.121.621	494.379	300.000		300.000		300.000	Thị trấn Kỳ Đồng cũ
12	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Kỳ Giang	UBND xã	7927748	6/2021	1.982.461	1.794.218	1.600.000	194.218	194.218		194.218		194.218	Xã Kỳ Giang cũ
13	Khu vui chơi người già và trẻ em	UBND xã	7967624	2022-2023	792.919	753.040	600.000	153.040	153.040		153.040		153.040	Xã Kỳ Giang cũ
14	Xây dựng tuyến đường mẫu kết nối du lịch sinh thái từ thôn Tân Đình đến Hồ Mạc Khê	UBND xã	8003286	11/2022-/2023	5.000.000	4.887.313	4.615.000	272.313	272.313		272.313		272.313	Xã Kỳ Giang cũ
15	Trường Mầm non xã Kỳ Giang; hạng mục: bể chứa nước PCCC	UBND xã	8042038	20/4/2023-5/6/2023	348.420	280.141	150.000	130.141	130.141		130.141		130.141	Xã Kỳ Giang cũ
16	Nhà văn hóa thôn Tân Phong	UBND xã	8062394	2024	2.100.000	1.996.885	1.814.700	182.185	182.185		182.185		182.185	Xã Kỳ Giang cũ
17	Đường giao thông thôn Tân Đình (công trình ngo cảng)	UBND xã	8119921	2024	1.227.102	1.073.772	476.050	597.722	300.000		300.000		300.000	Xã Kỳ Giang cũ
18	Đường điện chiếu sáng qua TTHC.	UBND xã	7925406	2021	1.069.180	985.000	666.786	318.214	318.214		318.214		318.214	Xã Kỳ Tiến cũ
19	Đường GTNT Tuyến đường Trục xã (Công chào xã đến Bình Lợi)	UBND xã	7994103	2022	3.845.220	3.546.164	3.311.370	234.794	234.794		234.794		234.794	Xã Kỳ Tiến cũ
20	Đường GTNT thôn Minh Tiến (Đoạn nhà Anh Văn Đến Anh Đắc)	UBND xã	7990468	2022	1.136.948	985.413	403.925	581.488	300.000		300.000		300.000	Xã Kỳ Tiến cũ
21	Nhà hành chính quản trị Trường Tiểu học Kỳ Tiến	UBND xã	8086458	2024	3.607.000	3.055.063	1.997.671	1.057.392	700.000		700.000		700.000	Xã Kỳ Tiến cũ
22	Nhà vệ sinh UBND xã	UBND xã	8129230	2024	740.466	544.386	200.000	344.386	300.000		300.000		300.000	Xã Kỳ Tiến cũ
23	Chi phí kiểm kê đất đai lập bản đồ hiện trạng đất năm 2024	UBND xã		12/2024	524.588			524.588	524.588		524.588		524.588	4 xã cũ bàn giao
24	Tư vấn đầu giá đất	UBND xã		10/2025	287.881			287.881	287.881		287.881		287.881	Xã Kỳ Anh
II	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP 2025-2026				2.659.773	0	0		2.659.773	2.259.773	400.000	0	400.000	
1	Sân khẩu hoạt động ngoài trời Trường THCS Nguyễn Trọng Bình	UBND xã		2025	400.000				400.000		400.000		400.000	
2	Khắc phục sửa chữa trụ sở UBND xã Kỳ Anh sau bão số 5 và 10	UBND xã		2025	2.259.773				2.259.773	2.259.773				Ngân sách tỉnh
III	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI				60.970.000	573.000	2.383.950	0	37.826.948	14.050.000	23.776.948	1.188.847	22.588.101	
1	Quy hoạch				4.970.000	0	0	0	3.470.000		3.470.000	173.500	3.296.500	
-	Quy hoạch chung xã Kỳ Anh	UBND xã		2026	3.000.000				1.500.000		1.500.000	75.000	1.425.000	
-	Quy hoạch chi tiết KDC thôn Hải Văn	UBND xã		2026	550.000				550.000		550.000	27.500	522.500	
-	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng vùng Huyện Kỳ Anh cũ	UBND xã		2026	100.000				100.000		100.000	5.000	95.000	
-	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các trường học trên địa bàn	UBND xã		2026	600.000				600.000		600.000	30.000	570.000	
-	Tư vấn đầu giá đất	UBND xã		2026	500.000				500.000		500.000	25.000	475.000	
-	Xây dựng giá đất cụ thể	UBND xã		2026	100.000				100.000		100.000	5.000	95.000	
-	Thực hiện thống kê đất đai	UBND xã		2026	120.000				120.000		120.000	6.000	114.000	
2	Giao thông- thủy lợi				29.700.000	573.000	573.000	0	16.247.448	0	16.247.448	812.372	15.435.076	
-	Đường chính khu vực đoạn từ đường đồng phú đến đường 70m (qua khu tái định cư cửa lùm)	UBND xã		2026	22.000.000	573.000	573.000		11.000.000		11.000.000	550.000	10.450.000	Giải phóng mặt bằng 9 tỷ, khởi công 2 tỷ

TT	Tên công trình	Cấp Quyết định đầu tư	Mã dự án	Thời gian KC- HT	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Công nợ đến ngày 02/12/2025	Dự toán năm 2026					Ghi chú
									Tổng dự toán	Chia theo nguồn vốn				
										Ngân sách cấp trên	Ngân sách xã	Trong đó		
												Trừ tiết kiệm chi 5%	Dự toán chi năm 2026 sau khi trừ tiết kiệm chi	
-	Tuyến kênh nội đồng kết hợp tiêu thoát lũ từ đập Chùa đến QL1A thôn Sơn Thịnh, xã Kỳ Tiến (cũ)	UBND xã		2026	3.000.000				2.000.000		2.000.000	100.000	1.900.000	
-	Nâng cấp đường trục thôn Tân Phong	UBND xã		2026	2.000.000				1.200.000		1.200.000	60.000	1.140.000	
-	Nâng cấp sửa chữa Đường giao thông	UBND xã		2026	1.500.000				1.000.000		1.000.000	50.000	950.000	
-	Nâng cấp, sửa chữa Kênh mương, rãnh thoát nước, cầu cống	UBND xã		2026	1.200.000				1.047.448		1.047.448	52.372	995.076	
3	Giáo dục				26.300.000	-	1.810.950	-	18.109.500	14.050.000	4.059.500	202.975	3.856.525	
-	Trường Tiểu học Kỳ Phú. Hạng mục: Nhà đa năng (Điểm Phú Thượng)	UBND xã		2026	4.500.000		905.475		4.000.000	3.500.000	500.000	25.000	475.000	Ngân sách TW
-	Trường Mầm non Kỳ Giang. Hạng mục: Nhà học 2 tầng 10 phòng (Điểm Tân Khê)	UBND xã		2026	14.500.000		702.500		7.550.000	7.550.000				Ngân sách tỉnh
-	Trường tiểu học Kỳ Phú ; Hạng mục hàng rào, sân trường (Điểm Phú Sơn)	UBND xã		2026	800.000		202.975		800.000		800.000	40.000	760.000	
-	Trường Tiểu học Kỳ Phú. Hạng mục Tầng 2 nhà học học 6 phòng (Điểm Phú Thượng)	UBND xã		2026	3.500.000				3.500.000	3.000.000	500.000	25.000	475.000	Ngân sách tỉnh
-	Trường THCS Nguyễn Trọng Bình; hạng mục khuôn viên hàng rào	UBND xã		2026	700.000				459.500		459.500	22.975	436.525	
-	Trường mầm non Kỳ Đồng. Hạng mục cổng, hàng rào, khuôn viên..	UBND xã		2026	1.200.000				1.000.000		1.000.000	50.000	950.000	
-	Trường THCS Kỳ Tiến. Hạng mục : Tu sửa dãy phòng học cao tầng 08 phòng	UBND xã		2026	1.100.000				800.000		800.000	40.000	760.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỶ ANH